

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận Đ với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 và ý kiến của các đương sự về kết quả hoà giải thành.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự Đ ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Hà Thị M, S năm 1945;

Đại diện theo ủy quyền của bà M: Anh Cao Thanh H, S năm 1975;

Địa chỉ: Số 07, Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

2. Bà Hà Thị S, S năm 1948;

Đại diện theo ủy quyền của bà S: Anh Lê Tiến D, S năm 1973;

Địa chỉ: Số 09, Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

3. Ông Hà Văn Đ, S năm 1955;

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Luật sư Đoàn Thế H, Công ty Luật TNHH Hà T Đại và cộng sự, Đoàn Luật sư TP. Hà Nội;

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa B5-D6, ngõ 56 đường G, phường v, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;

- Bị đơn: Ông Hà Thanh S1, S năm 1964;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn:

1. Bà Phạm Hồng N, S năm 1966;

2. Anh Hà Thanh T, S năm 1987;

3. Chị Hà Hoàng L, S ngày 30/8/2001;

4. Cháu Hà Khánh N, S ngày 05/4/2010;

Người đại diện theo pháp luật của cháu N: Bà Phạm Hồng N, S năm 1966;

Địa chỉ: Tổ dân phố 01 Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:

1. Luật sư Dương Văn M – Công ty Luật TNHH Bách Dương – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội;

2. Luật sư Lê Quỳnh A – Công ty Luật TNHH Bách Dương – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số 52 đường L Trị, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

1. Bà Lâm Thị D, S năm 1942;

Địa chỉ: Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Anh Hà Viết T, S năm 1972;

Địa chỉ: Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

2. Anh Hà Viết T, S năm 1972;

Địa chỉ: Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

3. Chị Hà Thị Kim D, S năm 1973;

Địa chỉ: Số 16/21 khu phố 3B, đường tỉnh lộ 19, quận 12, TP. Hồ Chí Minh;

4. Chị Hà Thị Thúy N, S năm 1978;

Địa chỉ: Số 755/6 Nguyễn Kiệm, phường T, TP. Hồ Chí Minh;

5. Ông Hà Đức H, S năm 1968;

Địa chỉ: Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội;

6. Văn phòng Công chứng Hà T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê H M - Trưởng văn phòng

Địa chỉ: Tầng 1-2, tòa nhà B5- Làng QT Thăng Long, phố Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về diện và hàng thừa kế:

Ông Hà Văn L, S năm 1938, đã hi S năm 1967. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Văn L tại thời điểm mở thừa kế năm 1967 gồm: Cụ Hà Văn L (bố), cụ Lê Thị T (mẹ), vợ là bà Nguyễn Thị N (S năm 1940, đã chết năm 2018), các con là Hà Thanh S1, S năm 1964, đã chết năm 2025 và Hà Đức H, S năm 1968;

Cụ Lê Thị T (S năm 1916, đã chết ngày 07/3/1989), hàng thừa kế thứ nhất của cụ T tại thời điểm mở thừa kế ngày 07/3/1989 gồm: cụ Hà Văn L (chồng), các con: Hà Thị M, Hà Thị S, Hà Văn Môn;

Cụ Hà Văn L (S năm 1918, đã chết ngày 17/5/2000) có hàng thừa kế thứ nhất tại thời điểm mở thừa kế ngày 17/5/2000 gồm các con là Hà Thị M, Hà Thị S, Hà Văn Môn, Hà Văn Đ. Ông Hà Đức H và ông Hà Thanh S1 Đ hưởng thừa kế thế vị của ông Hà Văn L.

Ông Hà Văn Môn đã chết năm 2016, có hàng thừa kế thứ nhất tại thời điểm mở thừa kế năm 2016 gồm bà Lâm Thị D (vợ), các con là anh Hà Viết T, S năm 1972, chị Hà Thị Kim D, S năm 1973, chị Hà Thị Thúy N, S năm 1978;

Cụ Nguyễn Thị N mất năm 2018, tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của cụ N là ông Hà Thanh S1 và ông Hà Đức H.

Ông Hà Thanh S1 đã chết ngày 22/4/2025, hàng thừa kế thứ nhất của ông S1 tại thời điểm mở thừa kế ngày 22/4/2025 gồm: vợ Phạm Hồng N, S năm 1966, các con: Anh Hà Thanh T, S năm 1987, chị Hà Hoàng L, S ngày 30/8/2001 và Hà Khánh N, S ngày 05/4/2010;

Ngoài ra không còn người thừa kế nào khác.

Các đương sự thống nhất xác định các cụ L, cụ T, ông L, ông Môn, bà N, ông S1 chết đều không để lại di chúc về việc phân chia thừa đất số 98, tờ bản đồ số 26 diện tích 2483,9m² địa chỉ tại tổ dân phố 01, phường Trung Hưng, thị xã S1 Tây nay là Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ do người chết để lại và M táng phí.

2.2. Về di sản thừa kế:

Xác định di sản thừa kế của cụ Hà Văn L và cụ Lê Thị T là toàn bộ thừa đất số 98, tờ bản đồ số 26 diện tích 2483,9m² địa chỉ tại tổ dân phố 01, phường Trung Hưng, thị xã S1 Tây nay là Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, TP. Hà Nội. Tổng giá trị di sản thừa kế là: 3.477.460.000 (Ba tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Về phương án phân chia di sản thừa kế, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Trích diện tích 71,6m² thành thừa đất số 98-3, tờ bản đồ số 26 là thành lối đi chung rộng 3,5m.

- Giao bà Phạm Hồng N quyền sử dụng đất tại thừa đất số 98-1, tờ bản đồ số 26, địa chỉ tại Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, thành phố Hà Nội, diện tích 1712,3m², trị giá 2.397.220.000 (Hai tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

- Giao ông Hà Đức H quyền sử dụng đất tại thừa đất số 98-2, tờ bản đồ số 26, địa chỉ tại Tổ dân phố Ái M, phường S1 Tây, thành phố Hà Nội, diện tích 700m², trị giá 980.000.000 (Chín trăm tám mươi triệu) đồng;

Phần đất Đ chia có sơ đồ đính kèm. Khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người Đ giao đất phải có nghĩa vụ tài chính đối với phần đất mình Đ giao.

Các đương sự không phải thanh toán cho nhau phần giá trị di sản chênh lệch.

2.3. Về các Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Ông Hà Đức H và các đồng thừa kế của ông Hà Thanh S1, đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị N thống nhất thỏa thuận:

Tuyên bố Hợp đồng công chứng Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, số công chứng: 37 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD Đ công chứng viên Văn phòng công chứng Hà Thành, Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 20/4/2011 và chứng Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, số công chứng: 38 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD Đ công chứng viên Văn phòng công chứng Hà Thành, Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 20/4/2011 là vô hiệu.

Về hậu quả của Hợp đồng công chứng vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Hồng N. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.700.000 (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi Đ ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND KV9-Hà Nội;
- Phòng THADS KV 9- Hà Nội;
- L hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Quốc Huy